TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA VÌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 15 /2020/HSST
Ngày 30/03/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***** Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

+ Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phúc Thịnh**

+ Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Nguyễn Minh Tuấn**
- Ông **Lê Văn Hoan**

***** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Bà **Đào Thanh Huyền** – Kiểm sát viên

***** Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Hải** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Ngày 30/3/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 09/2020/HSST ngày 18/02/2020,theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXX-HS ngày 24/02/2020 đối với bị cáo:

1. Bùi Đức A, sinh năm 1988; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn ĐT, xã VT, huyện TT, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Bùi Văn N, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1969. Vợ là Ngô Thị Ng, sinh năm 1990; Có hai con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013. Tiền sự: Không.

Tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2019 đến ngày 17/12/2019 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại:

- Anh Chu Thế Q, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn YB, xã VL, huyện BV, TP. Hà Nội. (vắng mặt tại phiên tòa)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn N, xã VT, huyện TT, Thành phố Hà Nội (vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bùi Đức A và anh Chu Thế Q, Nguyễn Danh N cùng là thợ xây làm việc với nhau. Ngày 19/06/2017, do được nghỉ để đợi việc nên anh Q rủ Bùi Đức A và Nguyễn Danh N cùng về nhà mình chơi. Khoảng 18h cùng ngày, Đức A hỏi vay của anh Q số tiền 100.000đ để đi mua thẻ điện thoại. Anh Q lấy tiền trong ví và đưa cho Đức A rồi đi ra sân chuẩn bị tắm cho con. Khoảng 10 phút sau, Đức A tiếp tục hỏi mượn xe mô tô Honda Wave BKS 29Y5-153.91 của anh Q để đi mua thẻ điện thoại. Anh Q đang tắm cho con nên bảo Đức A lấy chìa khóa trong bàn uống nước. Do là người ở huyện TT đến huyện BV, sợ bị kiểm tra nên Đức A đã lấy giấy tờ xe của anh Q ở trong ví để trên mặt tủ trong gian phòng khách. Sau đó, Đức A lấy xe và đi ra ngoài. Sau khi mua được thẻ điện thoại, do không có tiền tiêu sài nên Đức A nảy sinh ý định bán chiếc xe mô tô của anh Q. Vì vậy, Đức A đã điều khiển xe đi về TT và bán cho ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1966 (trú tại xã VT, huyện TT, thành phố Hà Nội) ngay trong ngày 19/06/2017 với giá 12.500.000đ. Khoảng 1 giờ đồng hồ sau, anh Q và N không thấy Đức A về, sợ Đức A đi lạc đường nên gọi điện thoại nhưng số điện thoại của Đức A không liên lạc được. Anh Q đã nhiều lần liên lạc vào số điện thoại của Đức A nhưng đều không liên lạc được. Sau đó, anh Q đã đến nhà gặp bố mẹ Đức A và được biết chiếc xe trên đã bán cho ông B. Trong quá trình điều tra, ông B đã tự nguyện giao nộp chiếc xe trên để phục vụ điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 49 ngày 30/09/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xác định chiếc xe máy có trị giá 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng)*.

Trong quá trình điều tra, Đức A bỏ trốn khỏi địa phương nên ngày 29/11/2017, cơ quan Điều tra đã ra quyết định truy nã số 05 đối với Đức A. Đến ngày 9/11/2019, Đức A đến cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Đối với ông Nguyễn Thanh B là người đã mua chiếc xe mô tô của Đức A. Khi mua xe, Đức A nói đây là xe của mình mua lại và có giấy tờ đầy đủ nên ông Bình không biết nguồn gốc chiếc xe do Đức A chiếm đoạt. Vì vậy, CQĐT không đề cập xử lý trong vụ án này là có căn cứ.

Về dân sự:

- Cơ quan điều tra đã trao trả cho anh Chu Thế Q chiếc xe máy Honda Wave BKS 29Y5-153.91 và đăng ký xe số 016084 mang tên Lương Thị T, anh Q không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự

- Ông Nguyễn Thanh B đã được bị cáo và gia đình bồi thường số tiền 12.500.000đ nên không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự

Tại bản cáo trạng số: 09 /CT-VKS ngày 14/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Bùi Đức A về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", theo điểm a khoản 1 Điều 140 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Bùi Đức A về tội danh, điều luật như cáo trạng đã nêu. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 140 BLHS 1999 sửa đổi bổ sung 2009; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Bùi Đức A từ 06 đến 09 tháng tù. Về dân sự: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, đều không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về dân sự. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, bị cáo cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ba Vì, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Bùi Đức A đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản khám xét, biên bản đối chất, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản thu giữ tang vật CQĐT thu giữ, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, như vậy HĐXX có đủ cơ sở xác định: Khoảng 18 giờ ngày 19/6/2017 bị cáo Bùi Đức A đã có hành vi mượn chiếc xe máy biển kiểm soát 29Y5-153.91 của anh Chu Thế Q với mục đích đi mua thẻ điện thoại, sau đó do không có tiền tiêu sài nên đã điều khiển về huyện Thường Tín, Hà Nội bán cho ông Nguyễn Thanh B với giá 12.500.000đ. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 49 ngày 30/09/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xác định chiếc xe máy có trị giá 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng).* Do vậy, HĐXX có đầy đủ căn cứ chứng minh hành vi bị cáo Bùi Đức A thực hiện ngày 19/6/2017 đã phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 điều 140 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009.

Xét tính chất vụ án ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, do vậy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và làm bài học cảnh tỉnh chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Đức A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bản thân bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p,b, h khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Bùi Đức A đã bỏ trốn, đã bị Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã, sau đó bị cáo ra đầu thú, do vậy áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo. HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. HĐXX xét thấy mặc dù bị cáo Bùi Đức A có nhiều tình tiết giảm nhẹ như trên nhưng hành vi của bị cáo đã thực hiện, đòi hỏi của xã hội phải lên án, bị cáo đã lợi dụng lòng tin, sự tin tưởng của bị hại, bị cáo đã mượn tài sản của bị hại, sau đó mang bán lấy tiền tiêu sài cá nhân, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo còn bỏ trốn gây khó khăn trong công tác điều tra, cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã bị cáo tại quyết định truy nã số 05/CQĐT, ngày 29/12/2017. Ngày 09/11/2019 bị cáo mới ra đầu thú, do vậy cần thiết phải áp dụng Điều 33 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời gian nhất định, mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội, nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tại khoản 5 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định "*người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu*

đồng...”. HĐXX xét thấy hiện bị cáo không có công việc hay thu nhập ổn định, đã ly hôn vợ, một mình bị cáo nuôi dưỡng 02 con nhỏ, bố mẹ già thường xuyên đau ốm, do vậy HĐXX xét miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Chu Thế Q đã nhận lại tài sản; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh B đã nhận bồi thường số tiền 12.500.000đ và đều không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về dân sự.

Đối với ông Nguyễn Thanh B là người đã mua chiếc xe mô tô của Đức A. Khi mua xe, Đức A nói đây là xe của mình mua lại và có giấy tờ đầy đủ nên ông Bình không biết nguồn gốc chiếc xe do Đức A chiếm đoạt. Vì vậy, CQĐT không đề cập xử lý trong vụ án này là có căn cứ đúng pháp luật.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS vật chứng được xử lý như sau: Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS 29Y5-153.91 và đăng ký xe số 016084 mang tên Lương Thị Thu, quá trình điều tra CQĐT đã xác minh làm rõ chiếc xe máy này do anh Chu Thế Q mua hợp pháp, Cơ quan điều tra đã trả cho anh Chu Thế Q chiếc xe máy này là có căn cứ đúng pháp luật.

Về án phí: bị cáo còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Xử: Tuyên bố bị cáo: Bùi Đức A phạm tội *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”*.

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Bùi Đức A**: **06** *(Sáu)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2019 đến ngày 17/12/2019.

3. Về Án phí: Áp dụng điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự ; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Đức A phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331, điều 333 BLTTHS

Bị cáo Bùi Đức A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại anh Chu Thế Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh B có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

Nơi nhận:
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND huyện Ba Vì;
- Công an huyện Ba Vì;
- Chi cục thi hành án huyện Ba Vì;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phúc Thịnh